

Số: **1009/QĐ-BTTTT**

Hà Nội, ngày **14** tháng 8 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chỉ định Phòng đo kiểm**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông và Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 187/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT ngày 01/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) quy định về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Chỉ định phòng đo kiểm:**

**PHÒNG ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM**

**Thuộc: TRUNG TÂM KỸ THUẬT, CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT với danh mục được chỉ định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 90/QĐ-BTTTT ngày 28/1/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Tàn số Vô tuyến điện, Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để đăng website);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/hiện);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/hiện);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thành Hưng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

(kèm theo Quyết định số 1009 /QĐ-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2013  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**1. Tên phòng đo kiểm được chỉ định:**

**PHÒNG ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM**

**Thuộc: TRUNG TÂM KỸ THUẬT, CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Chức năng quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại: Quyết định số 179/QĐ-CTSVTD ngày 16/4/2009 của Cục trưởng Cục Tần số Vô tuyến điện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đo lường – Thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, Hà Nội.

**2. Danh mục được chỉ định:**

TT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chỉ tiêu kỹ thuật
<b>I</b>	<b>Sản phẩm</b>	
1	Thiết bị công nghệ thông tin và đầu cuối viễn thông	TCVN 7189:2009 (CISPR 22:2006) CFR 47 Part 15 TCVN 7317:2003 (CISPR 24:1997) TCVN 8235:2009 (ITU-T K.34/43/48) TCVN 7600:2010 (CISPR 13:2009) QCVN 22: 2010/BTTTT QCVN 63:2012/BTTTT <sup>(1)</sup> QCVN 71:2013/BTTTT QCVN 72:2013/BTTTT
2	Thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện <sup>(1)</sup>	Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia theo Quyết định 125/QĐ-TTg ngày 23/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ QCVN 8: 2010/BTTTT QCVN 10: 2010/BTTTT QCVN 11: 2010/BTTTT QCVN 12: 2010/BTTTT QCVN 13: 2010/BTTTT QCVN 14: 2010/BTTTT QCVN 15: 2010/BTTTT QCVN 16: 2010/BTTTT QCVN 17: 2010/BTTTT QCVN 18: 2010/BTTTT QCVN 23: 2011/BTTTT QCVN 24: 2011/BTTTT QCVN 25: 2011/BTTTT QCVN 26: 2011/BTTTT QCVN 29: 2011/BTTTT

ae

TT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chỉ tiêu kỹ thuật
		QCVN 30: 2011/BTTTT QCVN 31: 2011/BTTTT QCVN 37: 2011/BTTTT QCVN 38: 2011/BTTTT QCVN 39: 2011/BTTTT QCVN 40: 2011/BTTTT QCVN 41: 2011/BTTTT QCVN 42: 2011/BTTTT QCVN 43: 2011/BTTTT QCVN 44: 2011/BTTTT QCVN 45: 2011/BTTTT QCVN 46: 2011/BTTTT QCVN 47:2011/BTTTT QCVN 48: 2011/BTTTT QCVN 49: 2011/BTTTT QCVN 50: 2011/BTTTT QCVN 51: 2011/BTTTT QCVN 52: 2011/BTTTT QCVN 53: 2011/BTTTT QCVN 54: 2011/BTTTT QCVN 55: 2011/BTTTT QCVN 56: 2011/BTTTT QCVN 57: 2011/BTTTT QCVN 58: 2011/BTTTT QCVN 59: 2011/BTTTT QCVN 60: 2011/BTTTT QCVN 61: 2011/BTTTT QCVN 62: 2011/BTTTT QCVN 64: 2012/BTTTT QCVN 65: 2013/BTTTT QCVN 66: 2013/BTTTT QCVN 67: 2013/BTTTT QCVN 68: 2013/BTTTT QCVN 70: 2013/BTTTT QCVN 73: 2013/BTTTT QCVN 74: 2013/BTTTT QCVN 75: 2013/BTTTT QCVN 76: 2013/BTTTT CFR 47 Part 2 (2001) CFR 47 Part 15 (2001) CFR 47 Part 22 (2001) CFR 47 Part 24 (2001) EN 301489 series EN 300220 (2010) EN 300440 (2010) ES 200674-1 (2011) ES 200674-2 (1999)
<b>II</b>	<b>Chất lượng dịch vụ</b>	
1	Dịch vụ thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất	QCVN 36:2011/BTTTT (2)

10

TT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chỉ tiêu kỹ thuật
III	Thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện	
1	Đài phát thanh	QCVN 9:2010/BTTTT <sup>(3)</sup> QCVN 32:2011/BTTTT TCVN 3718-1:2005 <sup>(4)</sup> TCVN 3718-2:2007 <sup>(4)</sup>
2	Đài truyền hình	QCVN 9:2010/BTTTT <sup>(3)</sup> QCVN 32:2011/BTTTT TCVN 3718-1:2005 <sup>(4)</sup> TCVN 3718-2:2007 <sup>(4)</sup>
3	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng	QCVN 8:2010/BTTTT QCVN 9:2010/BTTTT <sup>(3)</sup> QCVN 32:2011/BTTTT TCVN 3718-1:2005 <sup>(4)</sup> TCVN 3718-2:2007 <sup>(4)</sup>

10

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup> Chỉ áp dụng chỉ tiêu về phổ tần vô tuyến và EMC;  
<sup>(2)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật;  
<sup>(3)</sup> Chỉ áp dụng chỉ tiêu tiếp đất chống sét và tiếp đất bảo vệ;  
<sup>(4)</sup> Chỉ áp dụng đến tần số 26,5 GHz.